TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **Thành phố Cần Thơ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày: 16/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có **:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liêng Thị Hồng Hoa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hùng Phước
2. Ông Nguyễn Thanh Hải
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thu An, cán bộ Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*: bà Trần Thụy Quốc Vang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2017/HSST ngày 03/8/2017 đối với bị cáo:

CHÂU TÙNG C Sinh năm 1968

Trú tại: 07 đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

Nghề nghiệp: Chấp hành viên, Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông Châu Thành P (C) và bà Trương Thị B (C)

Có vợ: Lâm N và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt tạm giam ngày 25/10/2016 (có mặt).

* Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp: Trần Võ Đức P – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1986

Trú tại: 62 ấp M, xã K, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

2. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984

Trú tại: ấp B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

3. Nguyễn Hoàng Hiếu H, sinh năm 1989

Trú tại: ấp L, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

4. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1979

Trú tại: Ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

5. Phan Ngọc Bích N, sinh năm 1986

Trú tại: Ấp N xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

6. Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: KDC N, đường T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Đức B – Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Châu Tùng C là Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ. Được bổ nhiệm từ tháng 12/2009 đến ngày 07/10/2016 thì bị Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ tạm đình chỉ công tác. Trong suốt thời gian dài từ khi tiếp nhận vị trí lãnh đạo cho đến thời điểm vụ án được phát hiện, Châu Tùng C đã có hành vi lấy tiền từ nguồn quỹ nghiệp vụ thi hành án để chi tiêu cho cá nhân và chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan dẫn đến quỹ nghiệp vụ thi hành án bị chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Châu Tùng C đã tạm ứng tiền từ thủ quỹ để chi tiêu cho cá nhân, khi tạm ứng đều viết giấy biên nhận giao cho thủ quỹ giữ, C cũng ký duyệt cho một số cá nhân khác trong cơ quan tạm ứng, những cá nhân này đã thanh toán, hoàn tạm ứng cho cơ quan. Ngoài ra, C cũng đã ký duyệt cho thủ quỹ xuất tiền thu được từ hoạt động thi hành án để chi hoạt động thường xuyên của cơ quan. Khi tiến hành bàn giao quỹ từ thủ quỹ cũ sang thủ quỹ mới, trên thực tế chỉ bàn giao tiền mặt còn tại quỹ. Đối với các giấy tạm ứng, chứng từ phát sinh trong giai đoạn thủ quỹ cũ thì Châu Tùng C giữ lại, không bàn giao cho thủ quỹ mới.

Thứ nhất, trong thời gian chị Nguyễn Châu T làm thủ quỹ từ năm 2009 đến ngày 07/02/2013, Châu Tùng C đã tạm ứng cá nhân, chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan từ nguồn quỹ thi hành án với số tiền:

Tạm ứng chưa thanh toán: 117.950.000 đồng, trong đó C tạm ứng để chi tiếp khách và chi tiêu cá nhân là 65.200.000 đồng có 21 chứng từ chứng minh.

Tạm ứng kinh phí hoạt động: 633.337.100 đồng. Trong đó, có 387.808.923 đồng có 264 giấy đề nghị chứng minh, còn lại 245.528.177 đồng C xác định đã tạm ứng tiền từ thủ quỹ T để chi tiêu cá nhân, khi bàn giao thủ quỹ có chứng từ đầy đủ và C trực tiếp quản lý nhưng đến nay đã bị thất lạc.

Thứ hai, trong thời gian anh Nguyễn Hoàng N làm thủ quỹ từ ngày 07/02/2013 đến ngày 02/01/2014:

Giai đoạn thủ quỹ Nguyễn Hoàng N nhận bàn giao nguồn tiền thu được từ hoạt động thi hành án còn âm quỹ từ giai đoạn thủ quỹ T bàn giao lại là 633.337.100 đồng. Ngoài ra, còn phát sinh thêm khoản chi tạm ứng cho một số cá nhân được bàn giao lại cho thủ quỹ mới để theo dõi, thu hồi; thời kỳ anh Nguyễn Hoàng N làm thủ quỹ, tiền thu được từ hoạt động thi hành án không bị thất thoát.

Thứ ba, trong thời gian anh Nguyễn Hoàng Hiếu H làm thủ quỹ từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/10/2014, Châu Tùng C đã tạm ứng cá nhân, chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan từ nguồn quỹ thi hành án với số tiền:

Nguồn quỹ thu được từ hoạt động thi hành án còn âm từ giai đoạn thủ quỹ T bàn giao lại là 633.337.100 đồng.

Giai đoạn thủ quỹ H: tiền quỹ thi hành án đã chi cho hoạt động của cơ quan không quyết toán được và chi cho C vay sử dụng cá nhân nhưng chưa trả lại với tổng số tiền là 717.808.900 đồng. Trong đó, có 213.507.155 đồng có 179 giấy đề nghị tạm ứng để chứng minh, số tiền còn lại là 504.301.745 đồng C thừa nhận có viết giấy tạm ứng để vay tiền từ thủ quỹ nhưng đến nay đã làm mất chứng từ.

Thứ ba, trong thời gian chị Nguyễn Thị Thu T làm thủ quỹ từ ngày 31/10/2014 đến ngày 05/10/2016, Châu Tùng C đã tạm ứng cá nhân, chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan từ nguồn quỹ thi hành án với số tiền:

Giai đoạn thủ quỹ T chuyển sang: 633.337.100 đồng.

Giai đoạn thủ quỹ H chuyển sang: 717.808.900 đồng.

Giai đoạn thủ quỹ T tổng số tiền: 440.365.000 đồng. Trong đó, Châu Tùng C đã duyệt chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan với tổng số tiền 102.542.000 đồng từ nguồn tiền thu được từ hoạt động thi hành án, C viết giấy tạm ứng cá nhân để ứng tiền từ thủ quỹ T 337.823.000 đồng.

Ngoài ra, Châu Tùng C còn tổ chức bán đấu giá tài sản để thi hành án, nhưng khi nhận tiền bán đấu giá C không mang về nộp vào quỹ thi hành án mà lấy sử dụng cá nhân 785.913.000 đồng, cụ thể như sau:

Châu Tùng C là chấp hành viên đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ký hợp đồng để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất của ông Lê Trường G để lấy tiền trả cho bên được thi hành án là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Tổng số tiền thu được từ việc bán tài sản đấu giá là 206.500.000 đồng, sau khi trừ chi phí bán đấu giá tài sản 8.541.500 đồng còn lại là 197.958.500 đồng. C tiêu xài cá nhân không mang về nhập quỹ thi hành án. Sau đó, C viết giấy tạm ứng 206.500.000 đồng đưa cho thủ quỹ T và chỉ đạo kế toán, thủ quỹ làm thủ tục nhập khống số tiền bán đấu giá tài sản là 197.958.500 đồng vào quỹ thi hành án. Đồng thời, C yêu cầu thủ quỹ T đưa thêm 8.541.500 đồng ở quỹ đơn vị cho C, tương ứng với số tiền 206.500.000 đồng như giấy tạm ứng mà C đã viết đưa cho thủ quỹ T.

Tương tự, khi tổ chức thực hiện Quyết định thi hành án số 184/QĐ-CCTHA ngày 15/11/2013, Châu Tùng C ký hợp đồng để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất của ông Tô Lương T để trả cho bên được thi hành án là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Tổng số tiền thu được từ việc bán tài sản đấu giá là 371.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí bán đấu giá tài sản 14.465.000 đồng, còn lại 356.535.000 đồng. C chi tiêu cá nhân không mang về nhập quỹ thi hành án để chi trả cho bên được thi hành án. Sau đó, C viết giấy tạm ứng số tiền 356.535.000 đồng đưa cho thủ quỹ T và chỉ đạo bộ phận kế toán, thủ quỹ làm thủ tục nhập khống số tiền bán đấu giá tài sản là 356.535.000 đồng vào quỹ thi hành án.

Riêng đối với vụ Nguyễn Thị T, khi tổ chức thực hiện Quyết định thi hành án số 195/QĐ-CCTHA ngày 17/12/2012, Châu Tùng C ký hợp đồng tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất của bà Nguyễn Thị T để lấy tiền trả cho bên được thi hành án là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X. Tổng số tiền thu được từ việc bán tài sản đấu giá là 242.000.000 đồng, trừ chi phí bán đấu giá tài sản là 19.122.000 đồng còn lại là 222.878.000 đồng. C không mang về nhập quỹ để chi trả cho người được thi hành án mà giữ lại toàn bộ để chi tiêu cá nhân.

Qua điều tra xác định Châu Tùng C tạm ứng quỹ thi hành án để sử dụng cá nhân, không có khả năng thanh toán và chỉ đạo duyệt chi tiền trái quy định với số tiền 1.715.887.922 đồng, trong đó tiền vay quỹ thi hành án là 1.152.852.922 đồng, tạm ứng tiền bán đấu giá tài sản vụ Lê Trường G, Tô Lương

T với số tiền là 563.035.000 đồng. Châu Tùng C nhận tiền bán đấu giá để thi hành án vụ Nguyễn Thị T nhưng chi cho mục đích cá nhân số tiền 222.878.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 02/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Châu Tùng C về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015) và tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Châu Tùng C khai nhận: trong thời gian giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ từ tháng 12/2009 đến ngày 07/10/2016, bị cáo đã chỉ đạo sử dụng quỹ nghiệp vụ thi hành án để chi hoạt động thường xuyên của cơ quan sau đó không quyết toán được, đồng thời bản thân bị cáo tạm ứng tiền quỹ thi hành án để chi xài cá nhân gây thất thoát số tiền hơn 02 tỷ đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Mỹ T là Kế toán trưởng, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Hiếu H, Nguyễn Thị Thu T lần lượt là Thủ quỹ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn Chi cục trưởng là chủ tài khoản, quản lý thu chi tiền thi hành án để tạm ứng sử dụng cá nhân, chỉ đạo, duyệt chi tiền trái quy định pháp luật trong khi bị cáo biết rõ tiền quỹ thi hành án không được chi cho cơ quan, hay cho cá nhân sử dụng, vay mượn… Tiền thi hành án đã thu vào quỹ tính đến ngày 05/10/2016 là 2.664.564.907 đồng bao gồm: tiền án phí 300.000 đồng, tiền tịch thu sung công 500.000 đồng, tiền thu trả công dân 342.309.136 đồng, tiền tạm ứng án phí 1.034.211.285 đồng, tiền tạm thu để thi hành án 164.759.200 đồng, tiền tang vật 72.608.000 đồng, tiền bán đấu giá tài sản để thi hành án 1.038.818.580 đồng, chi phí cưỡng chế thi hành án còn lại 11.058.706 đồng. Tiền quỹ thi hành án chỉ được sử dụng cho việc thi hành án là trả cho người được thi hành án, chi phí trong quá trình tổ chức thi hành án, riêng tiền tạm ứng án phí phải được gởi vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước tạm

giữ. Tuy nhiên, khi kiểm tra thực tế xác định: tiền tạm ứng án phí đang gửi tại kho bạc là 107.575.400 đồng, tiền mặt còn trong quỹ 70.362.000 đồng, một số cá nhân khác tạm ứng 47.580.000 đồng, chi cưỡng chế thi hành án 19.258.000 đồng, do đó số tiền bị thiếu hụt là 2.419.789.507 đồng.

Trong đó, bị cáo sử dụng chi cho hoạt động thường xuyên của cơ quan là 703.858.078 đồng (có chứng từ chứng minh) vi phạm về quản lý nguồn tiền thi hành án nhưng không có dấu hiệu vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác. Số tiền còn lại 1.715.931.429 đồng do bị cáo tạm ứng, trong đó có giấy tạm ứng số tiền 966.058.000 đồng, không có hoặc thất lạc giấy tạm ứng, chứng từ chi số tiền 749.873.429 đồng. Thời gian đầu bị cáo C vi phạm tạm ứng số tiền ít nhưng từ năm 2012 bị cáo quan hệ chi tiêu tiếp khách nhiều trong điều kiện kinh tế có hạn dẫn đến việc bị cáo vay mượn số tiền lớn để chi trả làm thâm hụt nguồn quỹ, đồng thời để che giấu sự việc khi bị kiểm tra bị cáo vay mượn người khác với lãi suất cao và lấy tiền sử dụng cá nhân dẫn đến số tiền thâm hụt ngày càng lớn, bị cáo không có khả năng hoàn trả. Do đó, số tiền bị cáo tạm ứng, sử dụng cho cá nhân và chi sai quy định là có động cơ vụ lợi vì lợi ích vật chất cho cá nhân và cơ quan của bị cáo.

Cụ thể, trong thời gian từ tháng 12/2009 đến ngày 06/02/2013 (thủ quỹ Nguyễn Châu T) bị cáo C tạm ứng 65.200.000 đồng (có giấy tạm ứng) và 245.571.684 đồng khi bàn giao thủ quỹ có chứng từ do bị cáo quản lý nhưng đến nay đã bị thất lạc. Từ ngày 07/02/2013 đến ngày 01/01/2014 (thủ quỹ Nguyễn Hoàng N) không có tạm ứng. Từ ngày 02/01/2014 đến ngày 30/10/2014 (thủ quỹ Nguyễn Hoàng Hiếu H) bị cáo tạm ứng và duyệt chi số tiền 504.301.745 đồng khi bàn giao thủ quỹ có chứng từ nhưng bị cáo quản lý và đến nay không còn chứng từ, anh H cung cấp được bản photo các giấy tạm ứng số tiền 303.250.000 đồng. Từ ngày 31/10/2014 đến ngày 05/10/2016 (thủ quỹ Nguyễn Thị Thu T) bị cáo tạm ứng 900.858.000 đồng (thể hiện qua 05 giấy tạm ứng), trong đó có 02 lần bị cáo nhận tiền bán đấu giá tài sản, sau khi lập phiếu thu bị cáo không nộp tiền vào quỹ mà viết giấy tạm ứng để lấy tiền chi xài cá nhân. Tổng cộng số tiền 1.715.931.429 đồng bị thất thoát đã gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại tiểu mục c.5 mục c khoản 3 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001. Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn lại duyệt chi, tạm ứng tiền quỹ nghiệp vụ thi hành án chi cho hoạt động của cơ quan và chi xài cá nhân là làm trái công vụ có mục đích vụ lợi đã đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo C là Chấp hành viên tổ chức thi hành án, trong quá trình xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị T thông qua bán đấu giá, bị cáo đã nhận số tiền thu được từ việc bán đấu giá là 222.878.000 đồng nhưng bị cáo không nộp vào quỹ thi hành án mà tự sử dụng chi xài cá nhân. Kế toán và thủ quỹ Chi cục Thi hành án dân sự hoàn toàn không biết có việc thu số tiền này cho đến ngày 13/10/2016 bị cáo mới tự thú. Hành vi của bị cáo tự lấy số tiền 222.878.000 đồng để sử dụng cá nhân trong khi bị cáo có trách nhiệm nhận và nộp lại tiền này cho quỹ thi hành án đã phạm tội Tham ô tài sản. Số tiền chiếm đoạt trên 200.000.000 đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999, do đó theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, cần áp dụng quy định mới có lợi hơn cho bị cáo.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Mỹ T, Nguyễn Hoàng Hiếu H, Nguyễn Thị Thu T có dấu hiệu giúp sức cho bị cáo nhưng xét tính chất, mức độ hạn chế, không cần thiết xử lý hình sự nên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã xử lý kỷ luật là phù hợp.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức án đối với bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù về tội Tham ô tài sản, từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; cấm đảm nhiệm chức vụ từ 02 đến 03 năm.

Xét hành vi của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan thi hành án, gây thất thoát tiền quỹ sử dụng trong việc thi hành án sẽ dẫn đến những thiệt hại khác cho quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, làm mất uy tín của cơ quan nhà nước. Bị cáo biết rõ quy định pháp luật liên quan đến quản lý tiền thi hành án nhưng vẫn cố ý thực hiện việc chi, tạm ứng sai trong thời gian dài, vì vậy cần xử lý nghiêm, có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú hành vi tham ô tài sản, có thành tích xuất sắc trong công tác đủ điều kiện để áp dụng mức án dưới khung hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền gây thất thoát quỹ thi hành án cho đơn vị có trách nhiệm quản lý là Chi cục Thi hành án dân sự huyện P số tiền 1.715.931.429 đồng và phải nộp số tiền 222.878.000 đồng. Đồng thời bị cáo đồng ý bồi thường số tiền đã chi sai cho hoạt động thường xuyên trong thời gian Nguyễn Châu T làm thủ quỹ là 387.808.923

đồng, đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp người được thi hành án trong các vụ việc thi hành án cụ thể bị thiệt hại thì có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Đ bồi thường theo quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và nguyên đơn dân sự đã tự thỏa thuận việc khắc phục hậu quả nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Châu Tùng C phạm tội Tham ô tài sản và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3, khoản 4 Điều 281, điểm o, p, s khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 42, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Châu Tùng C 04 năm tù về tội Tham ô tài sản, 07 năm tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành **11 năm tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/10/2016.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý tài sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo trả cho Chi cục Thi hành dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ số tiền 2.326.618.352 đồng (Hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Sở tư pháp Tp. Cần Thơ;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Công an huyện P;
- CSTHAHS H. P;
- Lưu HS (2).